CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

Hà Nội, tháng 04 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2025	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	04-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	06-07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09-27

TAKIS HITA AKIRA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty kỳ từ 01/01/2025 đến 31/03/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vinam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 28 tháng 09 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai,Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	Takishita Akira	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/06/2022
Ông	Nguyễn Mạnh Cường	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022
Bà	Lê Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà	Đặng Việt Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Ông	Hà Thị Thu Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022

Ban Giám đốc

Ông	Lê Văn Mạnh	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/9/2023
Ông	Đặng Việt Thắng	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/9/2023

Kế toán trưởng của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là:

Ông: Phạm Xuân Lăng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 13/02/2023
Bà: Vũ Thị Ngọc	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 13/02/2023

Ban Kiểm soát

Bà	Nguyễn Thị Thương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà	Ngô Thị Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà	Trần Thị Duyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà	Đào Thị Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022
Bà	Nguyễn Thị Hường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022
Bà	Nguyễn Thị Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025 tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/03/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ ngày 31 tháng 03 năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý Bảng cân đối kế toán Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm cho kỳ này , phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Lê Văn Mạnh
Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	01/01/2025
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**	4	**53 791 153 942**	**76 613 283 252**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**		**1 229 522 359**	**3 482 211 096**
1	Tiền	111		1 229 522 359	3 482 211 096
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	5	**39 713**	**39 713**
1	Chứng khoán kinh doanh	121		35 799 713	35 799 713
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(35 760 000)	(35 760 000)
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**42 019 732 098**	**59 397 772 693**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	35 226 357 656	50 547 521 279
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3 904 376 000	5 286 254 955
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2 888 998 442	3 563 996 459
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	9	**9 774 591 350**	**12 981 355 064**
1	Hàng tồn kho	141		9 774 591 350	12 981 355 064
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**767 268 422**	**751 904 686**
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		764 268 422	751 904 686
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	3 000 000	-
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**414 009 875 577**	**400 605 382 587**
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**7 724 132 714**	**8 189 620 070**
1	Tài sản cố định hữu hình	221	11	5 067 632 733	5 263 620 087
-	*Nguyên giá*	*222*		*7 157 465 579*	7 157 465 579
-	*Giá trị hao mòn luỹ kế (*)*	*223*		*(2 089 832 846)*	*(1 893 845 492)*
3	Tài sản cố định vô hình	227	12	2 656 499 981	2 925 999 983
-	*Nguyên giá*	*228*		*6 160 000 000*	6 160 000 000
-	*Giá trị hao mòn luỹ kế (*)*	*229*		*(3 503 500 019)*	(3 234 000 017)
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**	10	**9 462 538 343**	**9 462 538 343**
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9 462 538 343	9 462 538 343
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**395 488 373 347**	**381 598 761 964**
2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		365 988 373 347	351 098 761 964
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		29 500 000 000	30 500 000 000
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**1 334 831 173**	**1 354 462 210**
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1 334 831 173	1 354 462 210
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		**270**		**467 801 029 519**	**477 218 665 839**

C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**58 129 895 308**	**67 980 466 024**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**58 129 895 308**	**55 032 972 873**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1 864 393 034	8 878 364 296
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		53 303 365	
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1 298 581 374	1 046 759 952
4	Phải trả người lao động	314		335 848 255	327 539 926
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		175 000 000	175 000 000
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	16	34 357 676 324	24 560 462 126
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		20 000 000 000	19 999 753 617
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	-	
-	*Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa*			-	*526 250 000*
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45 092 956	45 092 956
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		-	**12 947 493 151**
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	12 947 493 151
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**409 671 134 211**	**409 238 199 815**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	18	**409 671 134 211**	**409 238 199 815**
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		296 999 910 000	296 599 910 000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		296 999 910 000	296 599 910 000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		18 918 962 963	18 918 962 963
8	Quỹ đầu tư phát triển	418		195 900 595	195 900 595
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		83 550 678 712	83 072 100 083
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		85 376 785 855	80 240 777 253
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		(1 826 107 143)	2 831 322 830
13	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10 005 681 941	10 451 326 174
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)		**440**		**467 801 029 519**	**477 218 665 839**

Phạm Thị Bích Liên
Người lập
Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025

Phạm Xuân Lăng
Kế Toán Trưởng

M.S.D.N: 0102174001 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM Q.HOÀNG MAI - TP.HÀ NỘI

Lê Văn Mạnh
Giám Đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2025	Quý I/2024	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	**27 286 402 652**	**18 410 000 000**	**27 286 402 652**	**18 410 000 000**
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-	-	-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		**27 286 402 652**	**18 410 000 000**	**27 286 402 652**	**18 410 000 000**
4 Giá vốn hàng bán	11	21	**25 459 776 511**	**15 575 000 000**	**25 459 776 511**	**15 575 000 000**
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		**1 826 626 141**	**2 835 000 000**	**1 826 626 141**	**2 835 000 000**
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	85 154	39 752 664	85 154	39 752 664
7 Chi phí tài chính	22	23	1 732 973 528	650 051 477	1 732 973 528	650 051 477
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		1 732 973 528	650 051 477	1 732 973 528	*650 051 477*
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(646 179 923)	-	(646 179 923)	-
9 Chi phí bán hàng	25	24	143 751	143 751	143 751	143 751
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	1 148 782 329	1 718 493 286	1 148 782 329	1 718 493 286
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26)	30		(1 701 368 236)	**506 064 150**	(1 701 368 236)	**506 064 150**
12 Thu nhập khác	31	26		-	-	
13 Chi phí khác	32	27	469 737	28 017 945	469 737	28 017 945
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(469 737)	(28 017 945)	(469 737)	(28 017 945)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(1 701 837 973)	**478 046 205**	(1 701 837 973)	**478 046 205**
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	169 913 403	5 301 431	169 913 403	5 301 431
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	-	-	-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1 871 751 376)	**472 744 774**	(1 871 751 376)	**472 744 774**
19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(1 826 107 143)	**480 220 599**	(1 826 107 143)	**480 220 599**
20 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(45 644 233)	(7 475 825)	(45 644 233)	(7 475 825)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2025	Quý I/2024	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	29	(63)	16	(63)	16

M.S.D.N:0102174005-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM
Q.HOÀNG MAI - TP.HÀ NỘI

Phạm Thị Bích Liên	Phạm Xuân Lăng	Lê Văn Mạnh
Người lập	Kế Toán Trưởng	Giám Đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025
(Theo phương pháp trực tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	44 952 177 047	5 461 862 110
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	*(30 548 524 388)*	(18 481 602 282)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	*(411 639 997)*	(1 536 048 847)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(217 906 245)	(353 449 286)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	13 425 750 000	125 146 678 000
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(16 915 949 267)	(1 482 847 444)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***10 283 907 150***	***108 754 592 251***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(92 388 000 000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	20 000 000 000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(14 299 553 270)	
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1 000 000 000	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2 462 711 000	444 520 546
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn (TM doanh thu HĐTC)		*3 233 641 023*	
Cổ tức, lợi nhuận được chia (TM doanh thu HĐTC)		*(770 930 023)*	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(10 836 842 270)***	***(71 943 479 454)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3 Tiền thu từ đi vay	33	20 000 000 000	15 000 000 000
4 Tiền trả nợ gốc vay	34	(19 999 753 617)	(15 000 000 000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (40=31+32+33+34+35+36)	***40***	***246 383***	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**	(552 688 737)	**36 811 112 797**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**1 782 211 096**	**6 994 133 341**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	**1 229 522 359**	**43 805 246 138**

Phạm Thị Bích Liên	**Phạm Xuân Lăng**	**Lê Văn Mạnh**
Người lập	**Kế Toán Trưởng**	**Giám Đốc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 28 tháng 09 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai,Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 296.999.910.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến 31/03/2024 là 296 999 910 000 VND; tương đương 29 699 991 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10 000 đồng.

Công ty đang được niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CVN theo Công văn ngày 29/07/2010. Ngày giao dịch cổ phiếu CVN đầu tiên là 06/08/2010.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại 31/03/2024 là 08 người

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
Chi tiết: - Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng bao gồm: dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước. - Lập, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án; - Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;

Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;

Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Chi tiết: - Dịch vụ môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;

Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
Chi tiết: - Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải;

Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép
Chi tiết: Buôn bán hàng vải sợi may mặc;

CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

Cấu trúc Công ty

Tổng số công ty con:
- Số lượng công ty con trực tiếp được hợp nhất: 03

Danh sách các Công ty sở hữu trực tiếp tại ngày 31/03/2025

Tên Công ty		Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
		VND	VND		
Công ty CP Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Ha Long Tokyo (1)	Lô A15, Cụm Công nghiệp Nam Sơn, Xã Nam Sơn, Huyện Ba Chẽ, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	50 000 000 000	49 940 000 000	#####	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan.
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn (2)	Số 173 Cô Giang, Phường Cô Giang, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	47 868 000 000	38 868 000 000	#####	Bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), Khí thiên nhiên (CNG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), xăng, dầu lửa, dầu DO, dầu FO và các sản phẩm liên quan (không hoạt động tại trụ sở).
Công ty CP Công nghệ cao G7 (3)	Khu Công Nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1, Xã Đông Phú, H. Châu Thành, T. Hậu Giang, Việt Nam	70 000 000 000	68 600 000 000	#####	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu.
Cộng		**167 868 000 000**	**157 408 000 000**		

Danh sách các Công ty đầu tư liên kết tại ngày 31.3.2025

	Tên Công ty	Vốn thực góp	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
3	CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB PHÁP VÂN	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
4	CÔNG TY CỔ PHẦN FAMICARE PHÁP VÂN	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
5	CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HƯNG YÊN	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
6	CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HẢI DƯƠNG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
7	CÔNG TY CỔ PHẦN FAMICARE HƯNG YÊN	3 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
8	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TIỀN GIANG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
9	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẢNG BÌNH	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
10	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB VĨNH LONG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
11	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TRÀ VINH	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
12	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB AN GIANG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
13	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TUYÊN QUANG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
1	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM BA ĐÌNH	14 700 000 000	49.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
2	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM NGHỆ AN	14 700 000 000	49.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
14	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HẢI PHÒNG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
15	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẮC NINH	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
16	CÔNG TY CP FAMICARE HẢI DƯƠNG	3 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
17	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẬN 5	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
18	CÔNG TY CP FAMICARE QUẢNG BÌNH	3 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
19	CÔNG TY CP FAMICARE ĐỒNG NAI	3 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
20	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB GIA LAI	8 825 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
21	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BÌNH DƯƠNG	2 900 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
22	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TÂN AN	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
23	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HÀ TĨNH	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
24	CÔNG TY CP MEDICARE HỮU NGHỊ	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
25	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB GÒ VẤP	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
29	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB KIÊN GIANG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
30	CÔNG TY CP FAMICARE KIÊN GIANG	3 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
31	CÔNG TY CP FAMICARE VĨNH LONG	3 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
32	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẠC LIÊU	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
33	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB VĨNH PHÚC	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
34	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB CAO BẰNG	5 076 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
35	CÔNG TY CP PHÒNG KHÁM MEDICARE NINH BÌNH	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
36	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB ĐẮK NÔNG	6 000 000 000	20.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
37	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB ĐỒNG THÁP	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
38	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẢNG NAM	6 000 000 000	20.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
39	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẢNG TRỊ	6 000 000 000	20.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
40	CÔNG TY CP FAMICARE TUYÊN QUANG	8 793 553 270	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

41	CÔNG TY CP TRUNG TAM XET NGHIEM GOLAB TAY NINH	7 500 000 000	25.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
42	CÔNG TY CP HEALTHCARE QUẬN 12	13 500 000 000	45.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
43	CÔNG TY CP TRUNG TAM XÉT NGHIỆM GOLAB KON TUM	7 500 000 000	25.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
44	CÔNG TY CP TRUNG TAM XET NGHIỆM GOLAB BIEN HOA	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
	Danh sách các Công ty đầu tư khác tại ngày 31.3.2025			
1	CÔNG TY CP FAMICARE HÒA BÌNH	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
2	CÔNG TY CP FAMICARE BẠC LIÊU	2 640 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
3	CÔNG TY CP FAMICARE BÌNH ĐỊNH	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
4	CÔNG TY CP FAMICARE QUẢNG NGÃI	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
5	CÔNG TY CP FAMICARE SÓC TRĂNG	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
6	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB VĨNH YÊN	1 800 000 000	6.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
7	CÔNG TY CP FAMICARE AN GIANG	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
8	CÔNG TY CP FAMICARE BẮC NINH	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
9	CÔNG TY CP FAMICARE HẢI PHÒNG	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
10	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB ĐÀ NẴNG	3 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
11	CÔNG TY CP FAMICARE ĐỒNG THÁP	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
12	CÔNG TY CP FAMICARE GIA LAI	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
13	CÔNG TY CP FAMICARE HÀ TĨNH	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
14	CÔNG TY CP FAMICARE LONG AN	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
15	CÔNG TY CP FAMICARE NINH BÌNH	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
16	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẢNG NGÃI	5 700 000 000	19.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
17	CÔNG TY CP FAMICARE TIỀN GIANG	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
18	CÔNG TY CP FAMICARE TRÀ VINH	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
19	CÔNG TY CP FAMICARE VĨNH PHÚC	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
20	CÔNG TY CP FAMICARE ĐÁ NẴNG	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
21	CÔNG TY CP FAMICARE NGHỆ AN	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
22	CÔNG TY CP FAMICARE 3/2	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
23	CÔNG TY CP FAMICARE GÒ VẤP	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
	Cộng	**396 134 553 270**		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con
Trường hợp công ty mẹ sau khi thoái một phần vốn và mất quyền kiểm soát đối với công ty con, công ty con: Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cộng với số lợi thế thương mại được ghi giảm là toàn bộ số lợi thế thương mại còn chưa phân bổ.

Công cụ tài chính
Ghi nhận ban đầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng năm không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm chỉ diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất , Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2025	01/01/2025
Tiền mặt	1 142 108 456	3 146 849 381
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	87 413 903	335 361 715
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		-
	1 229 522 359	3 482 211 096

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

	31/03/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	**35 799 713**	**39 713**	(35 760 000)	**35 799 713**	**39 713**	(35 760 000)
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang (30.000 CP) (i)	35 799 713	39 713	(35 760 000)	35 799 713	39 713	(35 760 000)
		39 713	(35 760 000)	**35 799 713**	**39 713**	(35 760 000)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn	-	-

Theo quy định tại thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 giá trị hợp lý các khoản đầu tư phải được trình bày. Tuy nhiên công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư với công ty niêm yết đến thời điểm 31/03/2025. Đối với các công ty chưa niêm yết, công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do chuẩn mực kế toán , chế độ kế toán doanh nghiệp chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện SARA (i)				
Công ty Cổ phần trang thiết bị vật tư y tế Phương Nam	292 093 720			
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NBG	2 887 500 000			
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM MEDICARE NGÃ BẢY	21 000 000			
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẮC NINH	251 300 000			
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BIÊN HÒA	1 460 000 000			
CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y HỌC NHẬT	9 467 060 000			
Công ty Cổ phần Omega Việt Nam	22 801 436			
Bệnh viện sản nhi Phú Thọ	397 046 000		618 711 816	
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM TÂN TRIỀU	665 000 000			
KYOTO F&B Co., LTD	13 039 800 000		13 039 800 000	
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO Y TẾ VÀ MÔI TRƯỜNG LẠNG SƠN	6 678 408 500		3 266 769 500	
Công ty Cổ Phần Phòng Khám Medicare Cần Thơ			385 129 072	
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM MEDICARE NINH BÌNH			600 000 000	
Công ty CP Trung Tâm Xét Nghiệm Golab Hà Tĩnh			940 000 000	
Công ty CP Trung Tâm Xét Nghiệm Golab Hưng Yên			40 000 000	
Công ty CP Trung Tâm Xét Nghiệm Golab Pháp Vân			31 200 000	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB VĨNH PHÚC			365 626 635	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB AN GIANG			365 626 635	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẮC KẠN			389 879 454	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẠC LIÊU			365 626 635	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẮC NINH			365 626 635	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BÌNH ĐỊNH			365 626 635	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BÌNH DƯƠNG			352 861 260	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB ĐẮK LẮK			365 626 635	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB ĐỒNG THÁP			365 626 635	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB GIA LAI			352 861 260	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB GÒ VẤP			365 626 635	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HÀ GIANG			430 515 793	
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HẢI DƯƠNG				

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HẢI PHÒNG		365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HÀ TĨNH		365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HƯNG YÊN		365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB KIÊN GIANG		365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB PHÁP VÂN		365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẬN 5		365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB Quảng Bình		365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẢNG TRỊ		450 325 818
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TÂN AN		365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TIỀN GIANG		365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TRÀ VINH		365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TUYÊN QUANG		365 626 635
Công ty Cp TTXN Golab Vĩnh Long		365 626 635
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB VĨNH YÊN		398 198 152
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HẠ HOÀ		11 800 000
Công ty cổ phần trang thiết bị vật tư y tế Phương Nam		520 093 720
CÔNG TY CP SX KD DƯỢC VÀ TTBYT VIỆT MỸ		37 717 730
Công ty cổ phần OMEGA Việt Nam		383 211 998
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM TÂN TRIỀU		3 465 000 000
Trung Tâm Y Tế Huyện Thanh Ba		32 548 000
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NBG		2 887 500 000
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM MEDICARE NGÃ BẢY		21 000 000
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẮC NINH		3 500 000 000
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BIÊN HÒA		2 800 000 000
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HẢI PHÒNG		3 500 000 000
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB Quảng Bình		2 800 000 000
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM MEDICARE HỮU NGHỊ		1 500 000 000
Công ty cổ phần phòng khám hóa bình	-	114 238 371
Các đối tượng khác	44 348 000	
	35 226 357 656	**50 547 521 279**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
CÔNG TY TNHH JWB CO.LTD	3 684 376 000		3 684 376 000	
Công ty cổ phần Sara Việt Nam	-		1 380 750 000	
Trả trước các đối tượng khác	220 000 000	-	221 128 955	-
	3 904 376 000	**-**	**5 286 254 955**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

8 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2025	01/01/2025
Tạm ứng	18 033 000.00	15 918 000
Đặt cọc tiền nhà	-	-
Cho mượn		-
Các khoản chi hộ		-
Phải thu khác	2 870 965 442	3 548 078 459
	2 888 998 442	**3 563 996 459**

9 HÀNG TỒN KHO

	31/03/2025	01/01/2025
Hàng mua đang đi đường		
Nguyên liệu, vật liệu		-
Công cụ, dụng cụ		
Hàng hoá	9 774 591 350	12 981 355 064
	9 774 591 350	**12 981 355 064**

10 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2025	01/01/2025
Mua sắm tài sản cố định		
- Hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa khu vực An Giang (i)	2 958 460 035	2 958 460 035
- Hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tân Châu (ii)	6 090 503 830	6 090 503 830
- Mua sắm tài sản cố định khác	413 574 478	413 574 478
	9 462 538 343	**9 462 538 343**

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2025	7 157 465 579	12 767 422 606
Mua sắm	-	612 886 269
Giảm khác	-	(3 822 843 296)
Tại ngày 31/03/2025	**7 157 465 579**	**9 557 465 579**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2025	(1 893 845 492)	757 332 057
Trích khấu hao		943 949 412
Giảm khác	-	(311 385 400)
Tại ngày 31/03/2025	(2 089 832 846)	**1 389 896 069**
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2025		12 010 090 549
Tại ngày 31/03/2025	**5 067 632 733**	**8 167 569 510**

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 01/01/2025	6 160 000 000	9 240 000 000
Tại ngày 31/03/2025	**6 160 000 000**	**9 240 000 000**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2025		2 156 000 009
Trích khấu hao		1 078 000 013
Tại ngày 31/03/2025	(3 503 500 018)	3 234 000 022
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2025		7 083 999 991
Tại ngày 31/03/2025	**2 656 499 982**	**6 005 999 978**

13 . TÀI SẢN NGẮN VÀ DÀI HẠN KHÁC

b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	-	-
Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp	-	-
Tiền thuê đất	1 253 217 484	1 354 462 210
Chi phí thuê nhà xưởng		-
Chi phí tác quyền		
Công cụ dụng cụ xuất dùng		
Chi phí mua bảo hiểm		-
Chi phí trả trước dài hạn khác	81 613 689	
	1 334 831 173	**1 354 462 210**

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH thiết bị y học nhật			7 128 000 000	7 128 000 000
Công ty CP sản xuất kinh doanh dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ	1 417 500 000	1 417 500 000	1 417 500 000	1 417 500 000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang	164 223 936	164 223 936		
Công ty Cổ phần ME77 Việt Nam	268 080 102	268 080 102	318 475 302	318 475 302
Công ty cổ phần Sara Việt Nam	-	-		-
JWB CO., LTD	-	-		-
Các đối tượng khác	14 588 996	14 588 996	14 388 994	14 388 994
	1 864 393 034	**1 864 393 034**	**8 878 364 296**	**8 878 364 296**

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
Thuế Giá trị gia tăng	704 416 312	1 194 342 348	1 113 246 836	785 511 824
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	333 936 896	169 913 403	-	503 850 299
Thuế Thu nhập cá nhân	8 406 744	9 144 660	8 332 153	9 219 251

Thuế Tài nguyên	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13 000 000	13 000 000	-
	1 046 759 952	**1 386 400 411**	**1 134 578 989**	**1 298 581 374**

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

a) **Phải trả ngắn hạn khác**	**31/03/2025**	**01/01/2025**
Bảo hiểm xã hội	2 655 000	444 700
Bảo hiểm y tế	477 900	
Bảo hiểm thất nghiệp	265 500	
Phải trả về cổ phần hoá		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		770 930 023
Phải trả lãi vay		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	34 354 277 924	23 789 087 403
	34 357 676 324	**24 560 462 126**

	31/03/2025	**01/01/2025**
17 Dự phòng phải trả ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa		
	-	-
	-	-

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

c) **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	31/03/2025	**01/01/2025**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	296 999 910 000	296 999 910 000
- Vốn góp đầu kỳ		
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ này	296 999 910 000	296 999 910 000

d) **Cổ phiếu**

	31/03/2025	**01/01/2025**
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29 699 991	29 699 991
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	29 699 991	29 699 991
- *Cổ phiếu phổ thông*	29 699 991	29 699 991
- *Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại *(cổ phiếu quỹ)*	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29 699 991	29 699 991
- *Cổ phiếu phổ thông*	29 699 991	29 699 991
- *Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)*	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10 000	10 000

e) **Các quỹ công ty**

	31/03/2024	**01/01/2024**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Quỹ đầu tư phát triển	195 900 595	195 900 595
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
	195 900 595	**195 900 595**

19 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Doanh thu bán thành phẩm	-	
Doanh thu bán hàng hóa	27 286 402 652	18 410 000 000
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
	27 286 402 652	**18 410 000 000**

20 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Chiết khấu thương mại		
Hàng bán bị trả lại		-
Giảm giá hàng bán		-
	-	-

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	
Giá vốn của hàng hóa đã bán	25 459 776 511	15 575 000 000
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
	25 459 776 511	**15 575 000 000**

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	85 154	39 752 664
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lãi bán các khoản đầu tư	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia		-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	-
	85 154	**39 752 664**

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Lãi tiền vay	1 732 973 528	650 051 477
Dự phòng tổn thất đầu tư		
Chi phí tài chính khác		-
	1 732 973 528	**650 051 477**

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Chi phí bán hàng	143 751	143 751

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí khác bằng tiền		
Chi phí bảo hành	-	
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	-	-
	143 751	**143 751**

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	-	
Chi phí nhân công	463 518 586	848 121 661
Chi phí khấu hao tài sản cố định	465 487 356	569 654 022
Thuế, phí, lệ phí	13 793 925	24 199 000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	179 149 944	268 577 984
Chi phí khác bằng tiền	26 832 518	7 850 619
	1 148 782 329	**1 718 403 286**

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Thu nhập khác	-	-
	-	-

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Chi phí khác	469 737	28 017 945
	469 737	**28 017 945**

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1 701 837 973)	478 046 205
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**169 913 403**	**5 301 431**

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Lợi nhuận sau thuế	(1 871 751 376)	472 744 774
Các khoản điều chỉnh	-	-
- *Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi*	-	-
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế*	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1 871 751 376)	472 744 774
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân kỳ này	29 699 991	29 699 991
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(63.00)**	16

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2025 là số liệu của ngày 31/12/2024 đã công bố từ lập và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 1/2025 đã Công ty tự lập.

Phạm Thị Bích Liên	**Phạm Xuân Lăng**	**Lê Văn Mạnh**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025